

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2019/HS-PT

Ngày 28 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;
Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trung Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 374/2019/TLPT-HS, ngày 27 tháng 5 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn N, Lê Đình P và bà Ngô Thị D người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Văn T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Trịnh Văn N (tên gọi khác: L), sinh năm 1970 tại Thanh Hóa, giới tính: N;

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường S, thị xã S; tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Thị A (đều đã chết); vợ Phạm Thị H (đã ly hôn) có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2008/HSPT ngày 18/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, bị cáo có mặt.

2. Lê Đình P, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; giới tính: N;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Đình L và bà Nguyễn Thị Ng; vợ Chu Thị L và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Ngày 14/12/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 17/4/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ngày 24/3/2017 bị cáo mới chấp hành xong phần án phí dân sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2017 đến nay, bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn N:* Ông Trần Đình Tr, bà Bùi Thị Th, Luật sư Văn phòng luật sư D, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, Luật sư Th có mặt, Luật sư Tr vắng mặt.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1959; nơi cư trú: Số A, N, phường H, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp cho người bị hại (Nguyễn Văn T) có kháng cáo:* Bà Ngô Thị D - Sinh năm: 1962, là vợ của bị hại Nguyễn Văn T;

Nơi cư trú: A, N, phường H, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua quan hệ xã hội nên Bùi Quang Kh (X) quen biết Nguyễn Văn T (T lơ); khoảng 18 giờ ngày 26/02/2017 Nguyễn Văn T cùng với chị Vương Thúy Ng và cháu của chị Ng từ thành phố H đến nhà Kh để nhờ Kh dẫn đi mua xe ô tô; Bùi Quang Kh biết được anh Trịnh Văn D (là con trai của bị cáo Trịnh Văn N) đang có xe ô tô cần bán, nên Kh dẫn ông T, chị Ng đến nhà riêng của D tại khu phố 6, phường L, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa để hỏi mua xe. Khi đến nhà anh D thì anh D thông báo hiện xe đang để ở nhà N và anh D nói cần hỏi ý kiến của N hôm sau sẽ thông báo lại; do ông T đang cần mua xe ngay nên Kh đã dẫn ông T và chị Ng đến nhà N để xem xe.

Tại nhà N gồm có: Anh Phạm Ngọc S, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Xuân T2, chị Trần Ngọc Tr và Lê Đình P (Lê Đình P là cháu của N đồng thời là người trông coi nhà cho N); sau khi vừa tổ chức sinh nhật cho N xong mọi người đang chuẩn bị đi hát Karaoke thì ông T, Kh và chị Ng đến. Ông T đỗ xe trước cổng chính nhà N rồi cùng Kh xuống xe đi vào nhà N, còn chị Ng hạ kính xuống ngồi trong xe. Khi Bùi Quang Kh đi vào khu vực sân nhà của Trịnh Văn N và nói với N về việc Kh dẫn ông T đến xem xe ô tô để mua. Nghe vậy, N chửi

bới anh Kh, đồng thời nhặt một đoạn gỗ (dạng gỗ làm cốp pha) dưới sân sau đó xông đến dùng chân đạp, dùng gậy đánh vào người anh Kh. Thấy vậy, anh Kh vừa lùi lại phía sau vừa giơ tay lên chống đỡ, N tiếp tục đánh Kh rồi đạp Kh ngã xuống nền sân ở ngay tường nhà cấp bốn lợp mái tôn trong khu vực nhà N. Lúc này nghe tiếng hô “P ơi, P ơi”, Lê Đình P chạy từ trong nhà ra thấy N đang đánh anh Kh nên P nhặt một đoạn gậy gỗ hình hộp chữ nhật dài khoảng 84cm đến đánh nhiều nhát vào đầu, người anh Kh, làm anh Kh bị chảy nhiều máu ở đầu, đoạn gậy gỗ của P bị gãy. Thấy N, P đánh anh Kh nên ông T chạy lại ôm ngang người N từ phía sau để can ngăn thì Trịnh Văn N văng mạnh hai tay về phía sau để thoát khỏi ông T, đồng thời N giơ gậy chỉ vào mặt ông T chửi bới, đe dọa ông T và giơ gậy lên đánh ông T làm ông T loạng choạng lùi lại phía sau. Thấy vậy, Lê Đình P đứng ngay đó cầm đoạn gậy gỗ vừa đánh anh Kh bị gãy vung lên đánh mạnh trúng vào đầu ông T, sau đó P đánh nhiều nhát nữa vào người ông T nhưng không xác D trúng vào vị trí nào làm ông T gục ngã xuống nền sân. Lúc này, Trịnh Văn N rút gậy gỗ và nhặt chiếc búa tạ gần đó hung hăng giơ lên dọa đánh anh Kh nhưng được anh Nguyễn Văn D can ngăn giằng lấy búa, nên N không đánh anh Kh nữa và cùng mọi người đưa anh Kh đi cấp cứu. Chị Vương Thúy Ng ngồi trong xe ô tô nghe tiếng ồn ào trong sân, nên nhìn vào thấy ông T nằm gục, chị Ng chạy lại đỡ ông T, thấy đầu ông T chảy máu nhiều và không nói được nên đã đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa thị xã S, sau đó ông T được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa và đến ngày 27/02/2017 chuyển đến Bệnh viện Việt Đức điều trị, đến ngày 05/3/2017 ông T được chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa tiếp tục điều trị; nhưng do vết thương quá nặng nên gia đình xin đưa ông T về nhà, đến 23 giờ 15 phút ngày 07/3/2017 ông Tuấn đã tử vong.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an phường Ba Đình, thị xã S đã tiến hành thu giữ các đồ vật gồm:

- 01 thanh gỗ hình hộp chữ nhật, dài 84cm, dày 2,5cm, rộng 04cm đã bị gãy thành 03 khúc; tại vị trí gãy rời có dính chất màu nâu đỏ (ghi máu);

- 01 túi nilon hình vuông kích thước (5 x 5)cm, bên trong chứa các hạt tinh thể vụn màu trắng;

- 01 túi nilon hình chữ nhật kích thước (3,5 x 4)cm, bên trong chứa 03 viên nén hình tròn đường kính 01cm, bề mặt có dập chìm chữ K (thuốc dạng nén màu trắng ngà).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S tổ chức khám nghiệm hiện trường, kết quả:

Hiện trường xảy ra vụ án được xác D là khu vực sân nhà Trịnh Văn N, tại khu phố 9, phường Ba Đình, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; nhà Trịnh Văn N được thiết kế xây dựng trên diện tích (30x7)m, gồm 02 nhà cấp bốn độc lập và 01 dãy nhà cấp bốn tạo thành hình chữ U, ngoảnh mặt hướng Tây N, xung quanh nhà có xây tường rào bao kín, có 02 cổng ra vào: Cổng chính ở góc phía Tây rộng 04m là cửa sắt hai cánh mở vào, cổng phụ 03m ở góc phía N là cửa sắt 02 cánh mở vào. Nhà cấp bốn phía Đông N rộng 06m dài 10m, mặt trước cách tường rào phía Tây N 04m; khoảng không gian giữa dãy nhà cấp bốn và 02 nhà cấp bốn ở phía Đông N và phía Tây Bắc là sân đổ bê tông phẳng. Vị trí xảy ra vụ án là ở sân bê tông tiếp giáp phía tường nhà cấp bốn lợp mái tôn, bên cạnh là một đồng cát, đối diện với cổng chính đi vào nhà.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi Nguyễn Văn T hồi 12 giờ 55 ngày 08/3/2017 thể hiện: Chiều dài tử thi là 1,7m, thể trạng trung bình, tại thời điểm khám nghiệm đang trong thời kỳ co cứng, phía trên bên ngoài mặc áo vét màu đen, bên trong mặc áo sơ mi dài tay màu trắng; phía dưới: Bên ngoài mặc quần âu màu đen, bên trong mặc quần dài cạp chun màu đen.

* Các dấu vết tổn thương trên cơ thể:

- Vết mổ đã được khâu kín chỉ hình vòng cung dài 28cm từ giữa trán lên đến đỉnh trái, thái dương trái và kết thúc tại sát trước vành tai trái; nền vết đã đóng vảy màu nâu đen, khô, chắc.

- Vết rách da không rõ hình KT (2 x 0,2)cm tại vùng trán đỉnh trái, nền vết vảy khô màu nâu đen.

- Vùng trán đỉnh thái dương trái bầm tụ máu rải rác KT (11 x 9)cm.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (3,5 x 2,5)cm tại gò má phải.

- Vết bầm tụ máu không rõ hình KT (2 x 1,5)cm tại sống mũi.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (8 x 4)cm xung quanh núm vú phải.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (5 x 2)cm tại vùng hạ sườn phải.

- Vết bầm tụ máu không rõ hình KT (22 x 13) tại mặt ngoài, mặt trước và mặt trong toàn bộ cánh tay phải.

- Vết bầm tụ máu không rõ hình KT (9 x 12)cm tại mặt trước 1/3 giữa đùi trái.

- Các vết bầm tụ máu đã chuyển sang màu tím xanh.

* Mô tử thi:

- Rạch da đầu: Tổ chức da vùng đỉnh, thái dương, trán hai bên và vùng chẩm phải tụ máu diện rộng, không liên tục, tập trung chủ yếu tại vùng thái dương, đỉnh trái. Tổ chức dưới da đầu vùng thái dương, đỉnh, chẩm bên trái có bầm dính nhiều cục máu đông sẫm màu. Cơ thái dương trái tụ máu, cơ thái dương phải màu sắc đồng nhất, không có tổn thương. Khuyết xương hộp sọ vùng thái dương trái, đỉnh trái KT (14 x 12,8)cm (xương hộp sọ đã được lấy bỏ trong quá trình phẫu thuật). Vỡ xương hộp sọ đỉnh hai bên KT (10 x 0,1)cm.

- Mở hộp sọ: Đường khâu màng cứng bằng chỉ liền kín vùng trán đỉnh trái, thái dương trái dài 19cm. Hoại tử não, dập não thùy thái dương và thùy đỉnh bên trái KT (7,1 x 4,8)cm. Tụ máu lan tỏa màng mềm bán cầu đại não trái, thùy đỉnh, chẩm bán cầu đại não phải. Tổ chức não phù, não thất hai bên chứa dịch hồng.

- Rạch da cổ, ngực, bụng: Tổ chức dưới da mạn sườn phải tụ máu. Hệ thống xương lồng ngực không bị tổn thương. Khoang ngực trái có ít dịch. Mặt ngoài tổ chức phổi trái dính sát vào thành ngực trái và khoang màng tim trái. Hai phổi trung bình không phát hiện thấy tổn thương. Khoang màng tim có ít dịch, tim KT (11 x 10,5x9)cm không phát hiện thấy tổn thương.

Ổ bụng không có dịch, gan màu nâu nhạt, mật độ chắc. Dạ dày có dịch, niêm mạc dạ dày không có tổn thương. Hiện tại các bộ phận khác không phát hiện thấy tổn thương.

Tại bản Kết luận giám D pháp y tử thi số 770/GĐPY-PC54 Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 12/3/2017, kết luận nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn T là: Tụ máu lan tỏa màng mềm, dập não, hoại tử não, phù não.

Tại bản Kết luận giám D số 1657 ngày 24/7/2017 kết luận: Chết màu nâu đỏ nghi máu bầm dính trên đoạn gậy gỗ ghi thu hồi trong vụ án gửi giám D là máu của Bùi Quang Kh.

Ngày 12/7/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa trả lời cơ chế hình thành vết thương trên tử thi Nguyễn Văn T, căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh thể hiện:

1. Các vết rách ra bầm tụ máu trên cơ thể Nguyễn Văn T do vật tày gây ra.
2. Với đoạn gậy gỗ có đặc điểm như mô tả (hình chữ nhật, dài 84cm, rộng 04cm) có thể tạo nên được các dấu vết trên tử thi Nguyễn Văn T, cụ thể như sau:

- Vết rách da không rõ hình kích thước (2 x 0,2)cm tại vùng đỉnh trái;
- Vùng trán - đỉnh - thái dương trái bầm tụ máu rải rác kích thước (11x9)cm;
- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình, kích thước (3,5 x 2,50)cm tại gò má bên phải;
- Vết bầm tụ máu không rõ hình kích thước (22 x 13)cm tại mặt ngoài, mặt trước và mặt trong toàn bộ cánh tay phải;
- Vết bầm tụ máu không rõ hình kích thước (9 x 12)cm tại mặt trước trong 1/3 giữa đùi trái.

Ngày 26/9/2017 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa có văn bản số 539 đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự trả lời bổ sung dấu vết trên tử thi Nguyễn Văn T.

Ngày 02/10/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa có văn bản số 379 trả lời bổ sung dấu vết trên tử thi như sau:

- Vết bầm tụ máu không rõ hình, kích thước (2 x 1,5)cm tại sống mũi;
- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình kích thước (8 x 4)cm, xung quanh núm vú phải;
- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình, kích thước (5 x 2)cm tại vùng hạ sườn phải.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh tử thi Nguyễn Văn T, Phòng kỹ thuật hình sự trả lời như sau:

- Các vết bầm tụ máu trên cơ thể Nguyễn Văn T nêu trên do vật tày gây ra. Các vật tày như: Gậy, nắm đấm tay, chân, ngã vào bề mặt vật tày, là vật tày đều có thể gây ra dấu vết trên.

Ngày 27/12/2017 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết D trưng cầu giám D số 133, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa giám D cơ chế hình thành dấu vết:

1. Với 1 trong 2 đoạn gậy đã thu nêu ở trên, đánh một phát vào vùng đầu có thể tạo nên vết thương rách da KT (2 x 0,2)cm tại vùng trán và vết bầm tụ máu KT (11 x 9)cm trên đầu anh Tuấn hay không?

2. Căn cứ vào đặc điểm dấu vết nêu trên để xác D chiều hướng phát đánh.

Tại bản Kết luận giám D pháp y về cơ chế hình thành thương tích số 07 ngày 12/01/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Vết rách da không rõ hình KT (2 x 02)cm tại vùng đỉnh trái nền vết đóng vẩy khô màu nâu đen; do tác động ngoại lực; tạo nên bởi vật tày có cạnh.

- Vùng trán đỉnh thái dương trái bầm tụ máu rải rác KT (11 x 9)cm; do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày hoặc vật tày có cạnh.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (3,5 x 2,5)cm tại gò má phải; do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (8 x 4)cm xung quanh núm vú phải do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (5 x 2)cm tại vùng hạ sườn phải; do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (22 x 13)cm tại vùng mặt ngoài, mặt trước và mặt trong toàn bộ cánh tay phải; do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày.

- Vết bầm tụ máu không liên tục, không rõ hình KT (9 x 12)cm tại vùng trước trong 1/3 giữa đùi trái; do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày.

Với 1 trong 2 khúc gỗ có kích thước và hình thái do Cơ quan Điều tra cung cấp trong hồ sơ:

+ Nếu được dùng làm vật gây thương tích thì có thể tác động một lần (đánh một phát) vẫn gây nên vết thương rách da KT (2 x 0,2)cm tại vùng trán đỉnh trái và vết bầm tụ máu KT (11 x 9)cm vùng trán, đỉnh, thái dương trái của ông Nguyễn Văn T.

+ Tại thời điểm giám D pháp y về có chế hình thành vết thương không đủ chứng cứ khoa học và các tài liệu khách quan để xác D chính xác chiều hướng tác động của vật gây thương tích cho ông Nguyễn Văn T.

Với nội dung trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 13 (mười ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2019. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h, d khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Đình P 13 (mười ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2017.

Ngoài ra Bản án còn quyết D về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy D pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 4 năm 2019 bị cáo Trịnh Văn N có đơn kháng cáo kêu oan; ngày 23 tháng 4 năm 2019 bị cáo Lê Đình P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 23 tháng 4 năm 2019 bà Ngô Thị D (đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Văn T) có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là không đúng mà phải truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Giết người”.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Đình P giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Trịnh Văn N thay đổi nội dung kháng cáo cho rằng mình không bị oan mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; người đại diện hợp pháp cho người bị hại rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Bị cáo Lê Đình P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử quy kết bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng pháp luật, nhưng mức hình phạt 13 năm tù là nặng. Vì, bản án sơ thẩm xác D bị cáo tái phạm nguy hiểm là không đúng mà bị cáo chỉ là tái phạm; bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, bệnh tật, vợ còn phải nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đã tác động nhờ Bác Lâm bồi thường dân sự cho gia đình bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trịnh Văn N trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng với mức án như cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá cao; nay bị cáo đã rất hối hận, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường dân sự cho gia đình người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo P đã thật sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo N đã tác động với gia đình bồi thường toàn bộ số tiền như bản án sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại, tại phiên tòa bị cáo N đã nhận thức được hành vi của mình nên đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Tại phiên tòa Phúc thẩm, đại diện hợp pháp cho người bị hại là bà Ngô Thị D rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ

luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại.

Đối với kháng cáo của bị cáo N, P sau khi phân tích diễn biến hành vi phạm tội, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng pháp luật. Bởi vì, các bị cáo dùng gậy gỗ đánh nhiều nhát vào vùng đầu, mặt của người bị hại dẫn đến ông T gục tại chỗ và 10 ngày sau thì tử vong, trong thời gian điều trị ông T luôn trong tình trạng hôn mê sâu, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội giết người; tuy tại cấp phúc thẩm bị cáo N đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường hết cho gia đình người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nhưng do cấp sơ thẩm quy kết không đúng tội danh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đối với các bị cáo về tội “Giết người”.

* *Quan điểm của Luật sư Bùi Thị Thủy bào chữa cho bị cáo N tại phiên tòa:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Văn N đã thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; khi tiếp xúc với bị cáo N, bị cáo đã nhờ Luật sư tác động với gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới có tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN D CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận D như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Thị D là người đại diện hợp pháp cho người bị hại rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bà Dung là tự nguyện, có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Văn N và bị cáo Lê Đình P khai nhận hành vi phạm tội xảy ra như quy kết của Bản án sơ thẩm, nhưng bị cáo P chỉ thừa nhận dùng gậy đánh ông T một nhát không rõ trúng vào vị trí nào. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm được mở ngày 12/10/2018 như lời khai Bùi Quang Kh, lời khai Phạm Ngọc S, lời khai Nguyễn Văn D; các lời khai này đã được đối chất làm rõ trong quá trình điều tra thấy phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ

được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đặc biệt là phù hợp với các kết luận giám D, các công văn của cơ quan giám D, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa trả lời về cơ chế hình thành vết thương thì Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 26/02/2017 khi Bùi Quang Kh dẫn Nguyễn Văn T đến nhà Trịnh Văn N để hỏi mua xe ô tô; Trịnh Văn N đã gây sự và đánh Bùi Quang Kh, Lê Đình P cũng lao vào đánh anh Kh, thấy vậy Nguyễn Văn T vào ôm Trịnh Văn N để can ngăn, nhưng N văng ra đồng thời dùng gậy đánh ông T, Lê Đình P thấy vậy cũng xông vào đánh ông T làm ông T gục ngã tại sân nhà N được mọi người đưa đi cấp cứu, nhưng sau đó đã tử vong. Các bị cáo đều thừa nhận, ngoài hai bị cáo ra không có người nào khác tham gia đánh ông T, căn cứ kết quả khám nghiệm tử thi thì trên người ông T có nhiều vết thương, những người làm chứng đều cho rằng, N và P đánh nhiều nhất vào người ông T. Hơn nữa, xét nguyên nhân dẫn đến đánh nhau là do bị cáo N, chính bị cáo đã khơi nguồn cho việc ẩu đả và bị cáo còn có những lời nói đe dọa đánh anh Kh và ông T. Tuy nhiên, việc các bị cáo hành hung ông T là nhất thời, bột phát, không có chủ ý tước đoạt tính mạng của ông T nên các bị cáo đánh về phía người ông T không nhằm vào một vị trí nguy hiểm nào cố D trên cơ thể ông T, sau khi ông T bị đánh thì đã được đưa đi cấp cứu và các bị cáo cũng dừng lại luôn, không truy sát đến cùng và thực tế sau 10 ngày ông T mới tử vong. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” dẫn đến chết người như cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không bị oan. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Giết người” là không cần thiết.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó của các bị cáo không chỉ gây mất mát đau thương cho gia đình người bị hại mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an ở địa P, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nên cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 26/02/2017, tại thời điểm này Bộ luật hình sự năm 1999 đang còn hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, theo quy D tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội “Cố ý gây thương tích” đều quy D tình tiết D khung là “Dẫn đến chết người”, nhưng khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt cao nhất là 14 năm tù, còn khoản 3 Điều 104 Bộ luật

hình sự năm 1999 có mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù. Như vậy, khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự có mức hình phạt nhẹ hơn, nên theo quy D tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì cần áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo. Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt đối với các bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Lê Đình P, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo tuy không phải là người khởi xướng, tạo ra mâu thuẫn giữa hai bên, bị cáo cũng không tiếp nhận được ý chí của Trịnh Văn N về việc đánh anh Kh và ông T; khi nhìn thấy N đánh anh Kh ngã xuống bị cáo chưa tìm hiểu nguyên nhân sự việc, cũng như không can ngăn mà còn tìm kiếm hung khí lao vào đánh anh Kh và sau khi thấy bị cáo N văng khỏi tay ông T cũng xông vào đánh ông T, sau khi thanh gỗ bị gãy bị cáo tiếp tục lấy phần gỗ còn lại để hành hung ông T, điều đó thể hiện bị cáo là người thực hành tích cực; mặc dù bị cáo chỉ thừa nhận đánh vào người ông T một nhát, nhưng căn cứ vào lời khai của những người làm chứng thì bị cáo đã đánh nhiều nhát vào người ông T. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử và xử phạt bằng mức án nghiêm khắc là hình phạt tù, nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng đạo đức. Do tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa chấp hành xong bản án trước nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy D tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm nhận D bị cáo tái phạm nguy hiểm và áp dụng điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa chuẩn xác, nên cần sửa bản án sơ thẩm nội dung này đối với bị cáo; cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Khi quyết D hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất rất nghiêm trọng của vụ án, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo dẫn đến đã xử phạt bị cáo mức án 13 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tỏ ra thật sự ăn năn hối cải, được đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần chấp nhận kháng cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

Đối với bị cáo Trịnh Văn N: Như đã phân tích ở trên thì bị cáo không oan, khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án như Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải nên đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của mình; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động với gia đình và được gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 224 triệu đồng cho gia đình người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp cho người bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường dân sự từ gia đình bị cáo N và không có yêu cầu gì thêm nên cần ghi nhận các bị cáo đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự trong vụ án; đối với phần trách nhiệm dân sự của bị cáo P phải bồi thường cho gia đình người bị hại, nhưng đã được gia đình bị cáo N bồi thường thì bị cáo N, hoặc gia đình bị cáo N có quyền yêu cầu bị cáo P thanh toán lại cho mình và cần tách ra để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết D khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT D:

Căn khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ngô Thị D, là người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Văn T;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Văn N và Lê Đình P; sửa Bản án sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 11 (mười một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm d, g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Đình P 12 (mười hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2017.

Về dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong số tiền 224 triệu đồng cho gia đình người bị hại.

Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn N và Lê Đình P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết D khác của Bản án sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS cấp cao Hà Nội;
- PV27; PC81 công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm